TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 3 năm 2019
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Huỳnh Hưởng; Bà Nguyễn Kim Lên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Quốc D**, sinh năm 1970
Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau
Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1971
Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau
(Nguyên đơn, bị đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/02/2019 và biên bản hòa giải 28/02/2019, nguyên đơn anh Nguyễn Quốc D trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh và chị Nguyễn Thị V sống chung với nhau từ năm 1989, có làm đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, hôn nhân tự nguyện. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là trong thời gian chung sống vợ chồng không hòa hợp được với nhau, quan điểm sống khác nhau nên thường xuyên xảy mâu thuẫn, chị không quan tâm chăm sóc gia đình. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, anh xác định tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục được. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị V.

- *Về con chung*: Có 02 người con chung tên Nguyễn Nhật T, sinh năm 1991 và Nguyễn Thùy T, sinh năm 1997. Hiện các con đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Do bận công việc riêng không thể tham dự phiên tòa, anh D yêu cầu tòa án xét xử vắng mặt theo quy định; anh vẫn bảo lưu ý kiến đã trình bày, mong Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên bản hòa giải 28/02/2019, bị đơn chị Nguyễn Thị V trình bày: Chị thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- *Về hôn nhân*: Chị đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Quốc D.

- *Về con chung*; *Về tài sản chung và nợ*: Chị thống nhất trình bày của anh D, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Do điều kiện chị đi làm ăn xa nên yêu cầu tòa án xét xử vắng mặt chị theo quy định; chị vẫn bảo lưu ý kiến đã trình bày, mong Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn chị Nguyễn Thị V có nơi trú tại ấp Tân Tiến, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Quốc D khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với chị Nguyễn Thị V. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh D là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự anh D là nguyên đơn, chị V là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh D và chị V có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Năm 1989, anh D và chị V sống chung với nhau là hoàn toàn tự nguyện, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không có cơ sở công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh D và chị V. Anh chị đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị V thống nhất với yêu cầu của anh D, đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ chồng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp

nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng gữa anh D và chị V là đúng pháp luật và phù hợp với nguyện vọng các bên.

[3] *Về con chung:* Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

[4] *Về tài sản chung:* Anh D và chị V xác định tự thõa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết, xét đây là ý chí tự nguyện của các bên nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự , điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, chị V không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238, Điều 235, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quốc D về việc ly hôn với chị Nguyễn Thị V.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Quốc D và chị Nguyễn Thị V.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Quốc D phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình. Anh có dự nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002758 ngày 25/02/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu án phí.

3. Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Hợp